TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI** Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST Ngày: 11-5- 2023 V/v "Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 04, 09, 11 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 160/2021/TLST- DS về việc "Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 201/TB-TA ngày 07/03/2023; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 288/TB-TA ngày 20/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2023; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 388/TB-TA ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Q – sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ dân phố Th, phường Phổ Th, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có luật sư Huỳnh Ngọc A –Văn phòng luật sư Quốc Ân, thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt).

2/Bị đơn: Anh Võ Ngọc T – sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ dân phố Th, phường Phổ Th, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: chị Phan Thị Thu Th– sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 276 đường Ng, phường Ng, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt)

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Xuân H

Cùng địa chỉ: số 83/1/5 đường Q, phường T, huyện A, tỉnh Gia Lai (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân phường Phổ Th

Người đại diện theo pháp luật có ông Nguyễn Văn L –Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phổ Thạnh

Người đại diện theo Ủy quyền ông Giả Tấn T – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phổ Thạnh (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1/Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữa chị Đinh Thị Q và anh Võ Ngọc T đã ly hôn nào năm 2020 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 63/2020/QĐST-HN ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, nhưng tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2011, vợ chồng chị Q anh T có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Xuân H một phần thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 phường Phổ Th có diện tích khoảng 195m^2. Nay theo bản đồ giải thửa thì diện tích đất mua của ông H, bà H là thửa 463 tờ bản đồ số 12 diện tích qua đo đạt thực tế diện tích 199m^2 có giới cận:

Phía Đông giáp đất bà Ph

Phía Tây giáp đường đi

Phía Nam giáp thửa đất vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph, bà Võ Thị L; đường đi; nhà bà Trần Thị L

Phía Bắc giáp đất của ông Hồ Th

Tài sản trên đất gồm có: Nhà cấp 4 diện tích mặt bằng xây dựng 43,3m^2; mái hiên, nền xi măng diện tích 11,8m^2 ; móng nhà, nền xi măng có diện tích 45m^2; Nền xi măng có diện tích 34,9m^2; trang thờ có diện tích 0,2m^2; 01 cây sa kê; 02 cây xoài; trụ cổng ngõ và 02 cánh cửa bằng sắt nhận lưới B40; các trụ hàng rào lưới B40.

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết chị Đinh Thị Q đồng ý giao toàn bộ đất và tài sản hiện có trên đất cho anh Võ Ngọc T. Anh T có nghĩa vụ thối lại cho Chị Q theo giá trị tài sản hai bên thỏa thuận

Tại phiên tòa chị Quyền trình bày: Sau khi ly hôn chị Quyền và 02 người con chung không có chổ ở ổn định. Hiện chị Q và 02 con đang sống nhờ ở gia đình chồng mới, vì vậy rất bất tiện cho các con trong cuộc sống. Chị Đinh Thị Q yêu cầu được nhận toàn bộ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 463, tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th. Chị Q cho rằng số tiền mua đất và làm nhà là do tiền quà cưới của hai bên gia đình cho, tiền của hai vợ chồng trong quá trình làm ăn tích góp được và mượn của hai bên gia đình. Nên công sức đóng góp của hai vợ chồng trong khối tài sản chung là như nhau. Vì vậy chị Q có nghĩa vụ thối lại cho chị ½ giá trị tài sản cho anh T. Tuy nhiên, nếu anh T giao cho chị 202.000.000 đồng trước khi Tòa tuyên án thì chị Q đồng ý giao toàn bộ đất và tài sản trên đất cho anh T.

2/Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 01/01/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bị đơn trình bày:

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 01/01/2022 nguồn gốc thửa đất số 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Thạnh do cha mẹ anh nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Xuân H ở tổ dân phố Th, phường Phổ Th, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Đến năm 2007, cha mẹ anh T cho anh T để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền. Năm 2008 anh T cưới vợ đến năm 2013 xây nhà, trồng cây trên thửa đất này. Vì vậy đất và tài sản trên đất tại thửa 463 tờ bản đồ 12 phường Phổ Th là tài sản riêng của anh nên anh T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận: Trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2011, vợ chồng có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Xuân H một phần thửa đất 230 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Thạnh có diện tích khoảng 195m^2 . Nay theo bản đồ giải thửa thì diện tích đất mua của ông H, bà H là thửa đất số 463 tờ bản đồ số 12 diện tích qua đo đạt thực tế diện tích 199m^2 có giới cận:

Phía Đông giáp đất bà Ph

Phía Tây giáp đường đi

Phía Nam giáp thửa đất vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph, bà Võ Thị L; đường đi; nhà bà Trần Thị L

Phía Bắc giáp đất của ông Hồ T

Trên diện tích đất vợ chồng có làm nhà cấp 4 diện tích mặt bằng xây dựng 43,3m^2; mái hiên, nền xi măng diện tích 11,8m^2; móng nhà, nền xi măng có diện tích 45m^2; Nền xi măng có diện tích 34,9m^2 ; trang thờ có diện tích 0,2m^2; 01 cây sa kê; 02 cây xoài; trụ cổng ngõ và 02 cánh cửa bằng sắt nhận lưới B40; các trụ hàng rào lưới B40.

Vì vậy thửa đất số 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th là tài sản chung của vợ chồng anh Võ Ngọc T, chị Đinh Thị Q trong thời kỳ hôn nhân.

Anh Võ Ngọc T cho rằng công sức đóng góp, tạo lập khối tài sản chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Tốt là người đóng góp toàn bộ, chị Q chỉ ở nhà sinh con và nuôi con nên không có tạo ra thu nhập. Việc chị Đinh Thị Q cho rằng tiền mua đất là quà cưới của hai bên gia đình cho là không đúng. Vì lúc cưới thì hai bên gia đình khó khăn nên quà cưới không có gì đáng giá. Vì vậy anh Tốt yêu cầu được nhận 60% giá trị tài sản , chị Quyền nhận 40% giá trị tài sản.

Anh Võ Ngọc T cho rằng từ khi ly hôn từ năm 2020 đến nay thì chị Q dẫn con đi nơi khác ở, chỉ còn anh sống trên ngôi nhà này. Đến năm 2021 khi nghe tin anh T có kết hôn với chị Trần Thị Tú Tr nên chị Q và anh em chị Q đến gây gỗ nên anh Q đến ở nhờ nhà cha mẹ vợ. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên đến ngôi nhà để dọn dẹp. Hiện nay vợ của anh T đang mang thai, sắp đến kỳ sinh con mà anh T không có chổ ở nào khác.

Vì vậy phía bị đơn yêu cầu được nhận toàn bộ đất và tài sản trên đất tại thửa 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th. Anh Võ Ngọc T thối lại giá trị cho chị Đinh Thị Q.

Tuy nhiên nếu như chị Q đồng ý nhận tiền thì anh T đồng ý thối lại cho chị Q số tiền 202.000.000 đồng trước khi Tòa án có bản án hoặc quyết định.

3/Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Xuân H trình bày: Năm 2011 vợ chồng ông có chuyển nhượng cho vợ chồng anh Võ Ngọc T và chị Đinh Thị Q một phần diện tích trong thửa 230, tờ bản đồ số 12 phường Phổ Thạnh với diện tích 5m x 39 m với giá 80.000.000 đồng. (Nguồn gốc đất là do cha ruột bà H cho vợ chồng). Lúc đó giữa hai bên viết giấy sang nhượng ngày 29/8/2011. Khi chuyển nhượng thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng anh T, chị Q tranh chấp thì vợ chồng ông bà không có tranh chấp và ý kiến gì đối với diện tích đất đã bán cho vợ chồng chị Q, anh T.

4/Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Phường Phổ Th trình bày: Nguyên thửa đất 230 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Thạnh có nguồn gốc của ông Ngô Đ ở tổ dân phố Th, phường Phổ Th, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi quản lý, sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản. Sau đó ông Đ đã đổ đất nâng nền mục đích để làm nhà ở. Trong thửa đất này ông Ngô Đ phân thành nhiều thửa và cho vợ chồng ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Xuân H 01 thửa. Năm 2011 ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Xuân H bán cho vợ chồng anh Võ Ngọc T, chị Đinh Thị Q. Theo bản đồ đa dạng hóa thì hiện nay đó là thửa đất 463, tờ bản đồ số 12 diện tích 221,9m^2. Qua đo đạt thực tế thì diện tích thửa đất 199m^2. Thửa đất trên có giới cận.

Phía Đông giáp đất bà P

Phía Tây giáp đường đi

Phía Nam giáp thửa đất vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph, bà Võ Thị L; đường đi; nhà bà Trần Thị Loan

Phía Bắc giáp đất của ông Hồ Th

Hiện nay vợ chồng chị Q, anh T đã làm nhà trên đất có hiện trạng như hiện nay.

Thửa đất 463 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đất phù hợp với quy hoạch đất ở theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện anh Võ Ngọc T và chị Đinh Thị Q đều có nhu cầu về chổ ở. Thửa đất 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th đảm bảo điều kiện chia bằng hiện vật cho các bên. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia cho anh T, chị Q đều nhận bằng hiện vật, người nào nhận tài sản có giá trị hơn thì thối lại giá trị chênh lệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Đinh Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung với anh Võ Ngọc T ở tổ dân phố Th, phường Phổ Th. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị Đức Phổ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nguyên thửa đất 230 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th (Nay theo bản đồ đa dạng hóa thì hiện nay đó là thửa đất số 463 tờ bản đồ số 12, phường Phổ Th. Qua đo đạt thực tế thì diện tích thửa đất 199m^2) có nguồn gốc của ông Ngô Đ ở tổ dân phố Th, phường Phổ Th, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi quản lý, sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản. Sau đó ông Đ đã đỗ đất nâng nền mục đích để làm nhà ở. Trong thửa đất này ông Ngô Đ phân thành nhiều thửa và cho vợ chồng ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Xuân H 01 thửa. Năm 2011 ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Xuân H chuyển nhượng cho vợ chồng anh Võ Ngọc T, chị Đinh Thị Q vào ngày 29/8/2011.

Xét về hình thức của hợp đồng thì hợp đồng không được công chứng, chứng thực là không đúng theo quy định tại Điều 129 Luật đất đai 2003 (Nay là Điều 167 Luật đất đai năm 2013) và Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên qua làm việc các bên nguyên đơn, bị đơn và vợ chồng ông H, bà H đều thừa nhận hợp đồng, thống nhất chuyển nhượng, quá trình sử dụng các bên không có tranh chấp. Sau khi chuyển nhượng anh T, chị Q đã làm nhà ở kiên cố. Qua làm việc với Ủy ban nhân dân phường Phổ Th thửa đất 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th phù hợp với quy

hoạch đất sở theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Về nội dung của hợp đồng: Trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy sang nhượng đất) thể hiện rõ diện tích, giới cận của thửa đất, trong giấy sang nhượng đất cũng có chữ ký của các bên, quyền, nghĩa vụ của các bên. Do đó nội dung chuyển nhượng đúng theo quy định tại Điều 697, 698 Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/8/2011 dù vi phạm về hình thức, tuy nhiên về nội dung đã thể hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Nguồn gốc đất cũng thể hiện là quyền sử dụng đất hợp pháp của ông H, bà H (thể hiện trong giấy chuyển nhượng là đất không có tranh chấp), mặc khác các bên cũng thừa nhận, sau khi chuyển nhượng thì anh T, chị Q đã xây dựng nhà kiên cố. Sau khi xây dựng nhà đến nay không có tranh chấp. Thửa đất trên cũng phù hợp với quy hoạch đất ở. Do đó có căn cứ làm phát sinh hiệu lực của hợp đồng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị Q, bị đơn anh Võ Ngọc T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận đất và tài sản trên đất tại thửa đất 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th là tài sản chung của vợ chồng chị Q, anh T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận thửa đất số 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Thạnh và các tài sản trên đất gồm nhà, công trình phụ, cây trên đất là tài sản chung của vợ chồng chị Q, anh T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Vì vậy chị Đinh Thị Q khởi kiện yêu cầu chia tại sản chung với anh Võ Ngọc T là đất và tài sản trên đất tại thửa 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét công sức tạo lập, đóng góp vào khối tài sản chung của anh T, chị Q thì thấy rằng: Anh Võ Ngọc T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân anh đóng góp 100% giá trị do anh làm nghề biển, chị Q không có công việc, chỉ ở nhà sinh con, lo cho các con và trông coi gia đình. Nhưng tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận khi làm nghề biển thì thu nhập không ổn định (có tháng được, tháng không), anh cũng thừa nhận tiền xây nhà là do hai vợ chồng mượn của hai bên gia đình (Hiện nay đã trả xong). Anh T cũng không có chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ. Mặc khác chị Q cho rằng trong thời kỳ hôn nhân ngoài chức năng làm mẹ, trông coi, quản lý gia đình thì chị còn làm việc để tạo ra thu nhập. Anh T làm nghề biển đôi lúc thu nhập cũng không ổn định. Hơn nữa tiền xây nhà cũng mượn từ bên gia đình chị (Hiện đã trả xong). Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ cho rằng trong thời kỳ hôn nhân anh Võ Ngọc T, chị Đinh Thị Q có công sức đóng góp vào việc tạo lập khối tài sản chung là như nhau.

[4] Xét về điều kiện chổ ở của chị Đinh Thị Q và anh Võ Ngọc T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi ly hôn chị Q là người nuôi cả hai người con chung, anh T không cấp dưỡng cho con. Hiện chị Q đã có chồng mới nhưng về chổ ở thì chị cùng

các con vẫn ở chung cùng gia đình bên phía chồng. Hiện nay các con chung giữa anh Q và chị T đã lớn nên việc ở chung cùng gia đình bên phía chồng rất bất tiện trong việc sinh hoạt hằng ngày.

Đối với anh Võ Ngọc T thì sau khi ly hôn anh cũng lập gia đình mới với chị Trần Thị Tú Tr. Hiện vợ chồng anh T cũng đang ở chung cùng gia đình phía chị Tr. Mặc khác vợ anh T hiện đang mang thai sắp đến kỳ sinh, cũng cần có chổ ở.

Như vậy cả hai đều có như cầu về chổ ở.

Tuy nhiên trong thời gian Tòa án nghị án thì giữa anh Võ Ngọc T và chị Đinh Thị Q thỏa thuận được với nhau. Theo đó chị Đinh Thị Q giao toàn bộ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th cho anh Võ Ngọc T. Anh Võ Ngọc T đã thối lại cho chị Đinh Thị Q số tiền 202.000.000 đồng theo giá mà các bên đã thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận giá. Vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Giao cho anh Võ Ngọc T nhận toàn bộ diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất (Gồm nhà cấp 4 diện tích mặt bằng xây dựng 43,3m^2 (Ký hiện g); mái hiên, nền xi măng diện tích 11,8m^2 (Ký hiệu t); móng nhà, nền xi măng có diện tích 45m^2 (ký hiệu N); Nền xi măng có diện tích 34,9m^2 (Ký hiệu B); trang thờ có diện tích 0,2m^2; 01 cây sa kê; 02 cây xoài; trụ cỗng ngỏ và 02 cánh cửa bằng sắt nhận lưới B40; các trụ hàng rào lưới B40) thuộc thửa đất số 463 tờ số 12 phường Phổ Th, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi có giới cận Tây giáp đường đi; phía Đông giáp phần đất của bà Trần Thị P; phía Nam giáp đường đi và các thửa đất của ông vợ chồng Nguyễn Thanh Ph, bà Võ Thị L, nhà bà Trần Thị L; phía Bắc giáp thửa đất của ông Hồ Th. (Có sở đồ bản vẽ kèm theo là bộ phận không thể thiếu của bản án). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Võ Ngọc T có quyền đến các cơ quan quản lý đất đai để kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Anh Võ Ngọc T có nghĩa vụ thối lại cho chị Đinh Thị Q số tiền 202.000.000 đồng (Hiện anh Võ Ngọc T đã giao đủ số tiền cho bà Đinh Thị Q số tiền 202.000.000 đồng)

[5] Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí xem xét thẩm định tại chổ và đo đạt giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện giải quyết xong.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đinh Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận 202.000.000 đồng nên số tiền án phí phải chịu là: 202.000.000 đồng x 5%= 10.100.000 đồng (Mười triệu, một trăm ngàn đồng)

Anh Võ Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận 202. 000.000 đồng nên số tiền án phí phải chịu là: 202.000.000 đồng x 5%= 10.100.000 đồng (Mười triệu, một trăm ngàn đồng)

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS;

Căn cứ vào các Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Q về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Giao cho anh Võ Ngọc T nhận toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 463 tờ bản đồ số 12 phường Phổ Th, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi có giới cận Tây giáp đường đi; phía Đông giáp phần đất của bà Trần Thị P; phía Nam giáp đường đi và các thửa đất của vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph, bà Võ Thị L, bà Trần Thị L; phía Bắc giáp thửa của ông Hồ Th (Có sở đồ bản vẽ kèm theo là bộ phận không thể thiếu của bản án). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Võ Ngọc T có quyền đến các cơ quan quản lý đất đai để kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Anh Võ Ngọc T có nghĩa vụ thối lại cho chị Đinh Thị Q số tiền 202.000.000 đồng (Hiện anh Võ Ngọc T đã giao đủ 202.000.000 đồng cho chị Q nhận)

2/Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí xem xét thẩm định tại chổ và đo đạt giữa nguyên đơn, bị đơn đã tự giải quyết xong.

3/Về án phí:

Anh Võ Ngọc T phải chịu 10.100.000 đồng (Mười triệu, một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đinh Thị Q phải chịu 10.100.000 đồng (Mười triệu, một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại biên lai số 0001355 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, chị Q còn phải nộp là 3.850.000 đồng (Ba triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng)

4/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường Phổ Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Minh Kha